

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1187/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông **Lâm Hữu C**, sinh năm 1971
- Bà **Nguyễn Thị Tuyết V**, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: 1 Quốc lộ A, khu phố E (nay là khu phố A), phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Ông **Lâm Hữu C** và bà **Nguyễn Thị Tuyết V** chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyền số 01/2000 ngày 20 tháng 10 năm 2000. Như vậy, hôn nhân giữa ông **Lâm Hữu C** và bà **Nguyễn Thị Tuyết V** là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thực tế có phát sinh mâu thuẫn, do không phù hợp về tính cách, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Đến nay, ông **C** và bà **V** xác định không thể chung sống với nhau được nữa. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa ông **Lâm Hữu C** và bà **Nguyễn Thị Tuyết V** đã trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông **C** và bà **V** yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên **Lâm Nguyễn Kỳ A**, sinh ngày 27/10/2001 và **Lâm Hoàng Bảo P**, sinh ngày 23/7/2005. Cả hai con đều đã thành niên.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Ngày 04 tháng 6 năm 2024, Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, con chung và tài sản chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lâm Hữu C** và bà **Nguyễn Thị Tuyết V** thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 161, quyển số 01/2000 ngày 20 tháng 10 năm 2000 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp cho ông **Lâm Hữu C** và bà **Nguyễn Thị Tuyết V** không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Lâm Nguyễn Kỳ A**, sinh ngày 27/10/2001 và **Lâm Hoàng Bảo P**, sinh ngày 23/7/2005. Các con đã thành niên.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí mà ông **Lâm Hữu C** và bà **Nguyễn Thị Tuyết V** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026867 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **C** và bà **V** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- UBND phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Thị Thu Hiền**